

**QUYẾT ĐỊNH số 665-KHKT/QĐ ngày 28-11-1975 ban hành và thay thế 22 tiêu chuẩn Nhà nước.**

**CHỨC NHIỆM ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ nghị định số 123-CP ngày 24-8-1963 của Hội đồng Chính phủ về việc nghiên cứu, xây dựng, xét duyệt, ban hành và quản lý các tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp,*

**QUYẾT ĐỊNH**

*Điều 1. — Nay ban hành và thay thế 22 (hai mươi hai) tiêu chuẩn Nhà nước về: động cơ diesel; dung sai truyền động bánh răng côn và trục vít; đồng hồ đo điện; mối hàn hồ quang điện bằng tay; xe đạp; lấy mẫu, chuẩn bị mẫu và thử hóa công nghiệp than; lấy mẫu,*

*và chuẩn bị mẫu của sản phẩm hóa học; đường kính; tinh dịch bò; kén tươi tắm đầu; tên gọi và định nghĩa các phương pháp thử của hạt giống lúa nước.*

*Điều 2. — Nay hủy bỏ 3 (ba) tiêu chuẩn Nhà nước TCVN. 169-65, TCVN. 170-65 và TCVN. 171-65.*

*Điều 3. — Tùy theo hình thức ban hành, ngày có hiệu lực và phạm vi áp dụng, các tiêu chuẩn trên phải được nghiêm chỉnh chấp hành trong tất cả các ngành, các địa phương có liên quan.*

*Hà-nội, ngày 28 tháng 11 năm 1975*

Chủ nhiệm

Ủy ban Khoa học và kỹ thuật

Nhà nước

**TRẦN ĐẠI NGHĨA**

**DANH MỤC TIÊU CHUẨN NHÀ NƯỚC**

*(ban hành kèm theo quyết định số 665 KHKT/QĐ ngày 28-11-1975)*

| Số hiệu tiêu chuẩn | Tên gọi   | Hình thức ban hành   | Ngày có hiệu lực | Phạm vi áp dụng                  |
|--------------------|---|----------------------|------------------|----------------------------------|
| TCVN<br>1684 - 75  | Động cơ diesel. Yêu cầu kỹ thuật                        | Chính thức áp dụng   | 1-1-1977         | Tất cả các ngành, các địa phương |
| TCVN<br>1685 - 75  | Động cơ diesel. Phương pháp thử                         | - nt -               | - nt -           | - nt -                           |
| TCVN<br>1686 - 75  | Truyền động trục vít. Dung sai                          | Khuyến khích áp dụng |                  |                                  |
| TCVN<br>1687 - 75  | Truyền động bánh răng côn. Dung sai                     | - nt -               |                  |                                  |
| TCVN<br>1688 - 75  | Đồng hồ điện. Thuật ngữ                                 | Chính thức áp dụng   | 1-7-1976         | - nt -                           |
| TCVN<br>1689 - 75  | Đồng hồ điện. Yêu cầu kỹ thuật                          | - nt -               | - nt -           | - nt -                           |
| TCVN<br>1690 - 75  | Đồng hồ điện. Phương pháp thử                           | - nt -               | - nt -           | - nt -                           |
| TCVN<br>1691 - 75  | Mối hàn hồ quang điện bằng tay. Kiểu, kích thước cơ bản | - nt -               | - nt -           | - nt -                           |
| TCVN<br>1692 - 75  | Xe đạp. Yêu cầu kỹ thuật                                | - nt -               | - nt -           | - nt -                           |

09662922

LawSoft - Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuac.com

| Số hiệu tiêu chuẩn | Tên gọi   | Hình thức ban hành                          | Ngày có hiệu lực | Phạm vi áp dụng                  |
|--------------------|---|---|------------------|----------------------------------|
| TCVN 1693 - 75     | Than nâu, than đá, antraxit và diệp thạch cháy. Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu | Khuyến khích áp dụng                        |                  | Tất cả các ngành, các địa phương |
| TCVN 172 - 75      | Than nâu, than đá và antraxit. Phương pháp xác định độ ẩm                           | Chính thức áp dụng (Thay thế TCVN 172 - 65) | 1-7-1976         | — nt —                           |
| TCVN 173 - 75      | Than nâu, than đá và antraxit. Phương pháp xác định độ tro                          | Chính thức áp dụng (Thay thế TCVN 173 - 65) | — nt —           | — nt —                           |
| TCVN 174 - 75      | Than nâu, than đá và antraxit. Phương pháp xác định chất bốc và cacbon cố định      | Chính thức áp dụng (Thay thế TCVN 174 - 65) | — nt —           | — nt —                           |
| TCVN 175 - 75      | Than nâu, than đá và antraxit. Phương pháp xác định hàm lượng lưu huỳnh             | Chính thức áp dụng (Thay thế TCVN 175 - 65) | — nt —           | — nt —                           |
| TCVN 200 - 75      | Than nâu, than đá và antraxit. Phương pháp xác định nhiệt lượng riêng               | Chính thức áp dụng (Thay thế TCVN 200 - 66) | — nt —           | — nt —                           |
| TCVN 1694 - 75     | Sản phẩm hóa học. Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu   | Khuyến khích áp dụng                        |                  | — nt —                           |
| TCVN 1695 - 75     | Đường kính. Yêu cầu kỹ thuật  | Chính thức áp dụng                          | 1-10-1976        | — nt —                           |
| TCVN 1696 - 75     | Đường kính. Phương pháp thử   | — nt —                                      | — nt —           | — nt —                           |
| TCVN 1697 - 75     | Kén tươi tấm dậu. Yêu cầu kỹ thuật  | — nt —                                      | — nt —           | — nt —                           |
| TCVN 1698 - 75     | Kén tươi tấm dậu. Phương pháp thử   | Chính thức áp dụng                          | — nt —           | — nt —                           |
| TCVN 1699 - 75     | Lúa nước. Hạt giống. Tên gọi và định nghĩa.   | — nt —                                      | 1-7-1976         | — nt —                           |
| TCVN 1700 - 75     | Lúa nước. Hạt giống. Các phương pháp thử  | — nt —                                      | — nt —           | — nt —                           |
| TCVN 1701 - 75     | Tính dịch bở. Yêu cầu kỹ thuật  | — nt —                                      | 1-4-1976         | — nt —                           |

### ỦY BAN BẢO VỆ BÀ MẸ VÀ TRẺ EM T.U.

#### THÔNG TƯ số 14-UB/CBĐT/TT ngày 10-12-1975 quy định việc trang bị cho cán bộ, nhân viên nhà trẻ.

Đề bảo đảm vệ sinh phòng bệnh cho các cháu cũng như cán bộ, nhân viên nhà trẻ, tạo điều kiện cho việc nuôi dạy các cháu được tốt, trước đây Bộ Y tế và Tổng công đoàn Việt-nam đã ra thông tư số 85-TT/12 ngày 7-12-1963 quy định trang bị cho cán bộ, nhân viên nhà trẻ thuộc khu vực Nhà nước. Qua một thời gian thực hiện, những quy định về trang bị cho cán bộ, nhân

viên nhà trẻ có một số điểm chưa phù hợp với yêu cầu nuôi dạy trẻ hiện nay. Vì vậy sau khi được sự thỏa thuận của Bộ Tài chính, trong công văn số 581-TC/HC/VX ngày 15-10-1975, Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em trung ương quy định về trang bị cho cán bộ, nhân viên làm công tác tại nhà trẻ thuộc khu vực Nhà nước như sau :

1. Tất cả các cô nuôi dạy trẻ đều được trang bị mỗi người mỗi năm 1 áo ngắn, 1 quần, 1 khăn chéo bằng vải phin thường thay cho một áo choàng trắng quy định trong thông tư số 85/TT/12 ngày 7-12-1963 trước đây. Ngoài ra mỗi người đều có ít nhất một khẩu trang, thời hạn dùng là 4 tháng một cái.